

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 17 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 43/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 23-3-2026

Về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 17 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Bá Quyền.

Bà Đặng Thị Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Thùy Trang, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Võ Anh Duy, Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 328/2025/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2025 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 02 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2026/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Mộng K, sinh năm 1992; nơi thường trú: Ấp C, xã T, tỉnh Cà Mau; nơi tạm trú: đường A, phường V, Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Tấn P, sinh năm 1992; nơi thường trú: C, xã G, Thành phố Đà Nẵng; địa chỉ hiện nay: Đường Đ, tổ A, khu phố B, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 20/10/2025 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Mộng K trình bày:

Bà Trần Mộng K và ông Nguyễn Tấn P tự nguyện chung sống có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Nam (nay là xã G, thành phố Đà Nẵng). Sau khi kết hôn, bà K và ông P chung sống tại phường T, thành

phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh), vợ chồng chung sống hạnh phúc, yêu thương, quan tâm chăm sóc nhau. Mâu thuẫn xảy ra từ năm 2018, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, ông P sống không quan tâm đến gia đình, không chăm lo cho vợ con, thường xuyên đi uống rượu cùng bạn bè về nhà có những lời lẽ xúc phạm và thậm chí đánh đập bà K, bà K không báo sự việc cho chính quyền địa phương biết việc ông P đánh đập bà K. Vì thương con nên bà K cố gắng khuyên can nhưng ông P không thay đổi tính tình. Đầu năm 2023, bà K và ông P đã sống ly thân cho đến nay, vợ chồng không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau, cuộc sống vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, mạnh ai nấy sống, vợ chồng sống không hạnh phúc nên bà Trần Mộng K yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Tấn P.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, có 02 con chung tên Nguyễn Thị Thùy D, sinh ngày 25/10/2015 và Nguyễn Tấn Thành Đ, sinh ngày 13/3/2018. Khi ly hôn, bà K yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc 02 con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Yêu cầu ông Nguyễn Tấn P cấp dưỡng nuôi 02 con chung 2.000.000 đồng/1 tháng/1 con cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Tấn P được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ tham gia tố tụng nhưng bị đơn không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà K.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm tại phiên tòa sơ thẩm như sau:

Về tố tụng: quá trình Tòa án giải quyết vụ án, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trần Mộng K đối với bị đơn ông Nguyễn Tấn P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bị đơn ông Nguyễn Tấn P được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Bà Trần Mộng K và ông Nguyễn Tấn P tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, thị xã B, tỉnh Quảng Nam (Nay là xã G, thành phố Đà Nẵng), theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 69/2015, quyền số 01/2015 ngày 25/8/2015, đây là hôn nhân hợp pháp.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: theo lời trình bày của bà K thì trong thời gian chung sống, ông P không quan tâm đến gia đình, không chăm lo cho vợ con, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống vợ chồng luôn căng thẳng. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án triệu tập ông P tham gia tố tụng nhưng ông P vắng mặt không có lý do, không có ý kiến trình bày trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Việc ông P vắng mặt không có lý do là tự từ bỏ quyền, nghĩa vụ tham gia tố tụng, nghĩa vụ chứng minh của mình. Xét thấy: Vợ chồng có nghĩa vụ chung sống với nhau, yêu thương, thủy chung, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau nhưng hiện nay bà K và ông P có mâu thuẫn và đã sống ly thân, hai bên không còn tình cảm với nhau, căn cứ lời trình bày của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có đủ căn cứ xác định tình trạng hôn nhân giữa bà K và ông P đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, bà Trần Mộng K yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Tấn P là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về con chung: Trong quá trình chung sống, có 02 con chung tên Nguyễn Thị Thùy D, sinh ngày 25/10/2015 và Nguyễn Tấn Thành Đ, sinh ngày 13/3/2018. Khi ly hôn, bà K yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc 02 con chung. Cháu Nguyễn Thị Thùy D và cháu Nguyễn Tấn Thành Đ đã trên 7 tuổi và có nguyện vọng muốn sống với bà K, do đó bà K yêu cầu nuôi dưỡng 02 con chung là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Trần Mộng K yêu cầu ông Nguyễn Tấn P phải cấp dưỡng nuôi 02 con chung với số tiền 2.000.000 đồng/01tháng/01 con cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Xét, theo quy định tại Điều 110 Luật Hôn nhân và gia đình quy định “*Cha, mẹ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chưa thành niên*” và khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình quy định “*Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con*”, do đó ông P phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung là phù hợp.

Về mức cấp dưỡng: Xét, theo quy định tại Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình “*Mức cấp dưỡng do người có nghĩa vụ cấp dưỡng và người được cấp dưỡng hoặc người giám hộ của người đó tự thỏa thuận căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và người có nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết*”, đồng thời căn cứ theo quy định tại Điều 7 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định “*Tiền cấp dưỡng cho con là toàn bộ chi phí cho việc nuôi dưỡng, học tập của con và do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định mức cấp dưỡng căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng. Mức cấp dưỡng do Tòa án quyết định nhưng không thấp hơn một nửa tháng lương tối thiểu vùng*”

tại nơi người cấp dưỡng đang cư trú cho mỗi tháng đối với mỗi người con”. Tại thời điểm xét xử, ông P đang cư trú phường T, Thành phố Hồ Chí Minh thuộc vùng I nên bà K yêu cầu ông Nguyễn Tấn P phải cấp dưỡng nuôi 02 con chung 2.000.000 đồng/01tháng/01 con cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi là có căn cứ chấp nhận.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[7] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là có căn cứ chấp nhận.

[8] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật; về án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Các Điều 28, 35, 39, 147, 235, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các Điều 56, 81, 82, 83, 84, 85, 110, 116 của Luật Hôn nhân và Gia đình;
- Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Mộng K đối với ông Nguyễn Tấn P.

1.1 Về hôn nhân: Bà Trần Mộng K được ly hôn với ông Nguyễn Tấn P.

1.2 Về con chung: Giao 02 con chung tên Nguyễn Thị Thùy D, sinh ngày 25/10/2015 và Nguyễn Tấn Thành Đ, sinh ngày 13/3/2018 cho bà Trần Mộng K chăm sóc, nuôi dưỡng.

Hai bên đều có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định của pháp luật. Vì lợi ích của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người được trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

1.3. Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Nguyễn Tấn P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Thị Thùy D và Nguyễn Tấn Thành Đ 2.000.000 đồng/01 tháng/01 con cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

1.4. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

2. Về án phí:

- Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Trần Mộng K phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0049586 ngày 15/12/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

- Về án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ: Ông Nguyễn Tấn P phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh;
- Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;
- UBND xã G, thành phố Đà Nẵng;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Mỹ Hạnh